

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-ST
Ngày 22-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ X Chính.

Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2020/TLST - DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST – DS ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Kim P, sinh năm 1994 – Người đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh TP.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị L, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp BĐ, xã LVL, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Vũ T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Hồng X, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp XLT, xã HV, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trước đây ông Nguyễn Huynh Đ là chủ Hộ kinh doanh TP (nay đã chuyển giao lại toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh trên cho bà Cao Kim P) ký hợp đồng thỏa

thuận bắt đầu từ năm 2017, nội dung ông T và bà X thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, theo đó Hộ kinh doanh TP (viết tắt là: HKD TP) bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông T và bà X, đến cuối vụ ông T và bà X phải thanh toán dứt điểm cho HKD TP.

Trong quá trình giao dịch, ông T và bà X không thực hiện trả tiền theo đúng thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán cho HKD TP. Theo bảng đối chiếu công nợ ký ngày 05/02/2020 thì ông T và bà X nợ HKD TP số tiền 195.243.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 05/02/2020 đến ngày 6/6/2020 phải thanh toán bằng 7.076.000 đồng ($195.243.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng} 11 \text{ ngày} = 7.076.000 \text{ đồng}$).

Nay HKD TP yêu cầu ông T và bà X trả lại tổng vốn và lãi bằng 202.319.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng tính kể từ ngày 16/6/2020 đến ngày xét xử xong vụ án.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Hồng X không có ý kiến gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét việc vắng mặt của ông T và bà X được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà X là đúng quy định.

[2] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng bắt đầu từ năm 2017 ông T và bà X có ký kết hợp đồng mua thức ăn tôm, con giống, thuốc thủy sản với bà Cao Kim P là người đại diện theo pháp luật cho Hộ kinh doanh TP (bà P nhận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ từ ông Nguyễn Huỳnh Đ). Cho đến nay ông T và bà X nợ tổng số tiền 195.243.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án bao gồm: Hợp đồng mua bán ngày 04/01/2018 giữa Hộ kinh doanh TP với ông Nguyễn Vũ T; hợp đồng mua bán ngày 25/11/2017 giữa Hộ kinh doanh TP với bà Nguyễn Hồng X; bảng đối chiếu công nợ ngày 10/12/2019 với số tiền 77.855.000 đồng do khách hàng ông Nguyễn Vũ T ký nhận; bảng đối chiếu công nợ ngày 10/12/2019 với số tiền 117.388.000 đồng do khách hàng bà Nguyễn Hồng X ký nhận; bảng đối chiếu công nợ ngày 05/02/2020 với số tiền 195.243.000 đồng do khách hàng bà Nguyễn Hồng X ký nhận. Ngoài ra, khi bà P khởi kiện tại Tòa án đòi lại tiền nợ 195.243.000 đồng thì ông T và bà X biết nhưng cho đến nay không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này cho thấy ông T và bà X đồng ý nội dung nguyên đơn khởi kiện.

[3] Như vậy, từ ngày 05/02/2020 cho đến nay ông T và bà X không thực hiện hoàn trả số tiền nợ là vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn trong thời gian dài chưa nhận lại được số tiền

195.243.000 đồng. Do đó, nay nguyên đơn kiện đòi lại số tiền nêu trên và lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ được chấp nhận. Lãi suất từ ngày 05/02/2020 đến ngày 22/9/2020 được tính: $195.243.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 12.262.000 \text{ đồng}$. Ông T và bà X hiện đã ly hôn, nên mỗi người có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ bằng 103.752.500 đồng ($195.243.000 \text{ đồng} + 12.262.000 \text{ đồng} = 207.505.000 \text{ đồng}/2$)

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên ông T và bà X mỗi người phải chịu án phí theo quy định của pháp luật số tiền 5.187.625 đồng ($103.752.500 \text{ đồng} \times 5\%$).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 453, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Kim P là người đại diện theo pháp luật cho Hộ kinh doanh TP. Buộc ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Hồng X mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Cao Kim P số tiền 103.752.500 đồng (Một trăm lẻ ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng).

2. Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông T và bà X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự ông T và bà X mỗi người phải chịu 5.187.625 đồng (chưa nộp). Bà P không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả lại cho bà P là người đại diện theo pháp luật cho Hộ kinh doanh TP số tiền 5.058.000 đồng dự nộp tại biên lai số 0007269 ngày 25/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên